TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02- 4 - 2024
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thuần;

2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Hồng X,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Duy T,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X và phần trình bày của bà X trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là UBND phường A, thị xã K), tỉnh Long An vào năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 05 năm trở lại đây thì thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống chung nhà nhưng không sinh hoạt, quan tâm chia sẻ với nhau. Hai bên không có thiện chí hàn gắn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà X và ông T có 01 con chung là Nguyễn Duy T1, sinh ngày 05/11/2008. Theo đơn khởi kiện bà X yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên do ông T yêu cầu được nuôi con nên bà X cũng đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc. Bà X đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị Hồng X tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là Phường A, thị xã K). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông đi làm ăn xa một thời gian, vợ ông thường xuyên đi chơi với bạn bè, theo ông biết bà X đang quen người khác trên mức bạn bè. Hiện nay ông đã chuyển về làm gần nhà, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm nhau. Bản thân ông không mong muốn ly hôn nhưng vì bà X yêu cầu ly hôn và nhận thấy không có khả năng hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông T và bà X có một con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 05/11/2008, hiện nay đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con vì ông có công việc gần nhà, có thu nhập.

Về cấp dưỡng: Ông yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông T và bà X tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X với ông Nguyễn Duy T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là ly hôn, nuôi con chung. Ông T có địa chỉ cư trú tại thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Hồng X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Duy T thống nhất trình bày quá trình tiến đến hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Căn cứ chứng cứ là Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn mà bà X cung cấp thể hiện bà X và ông T có đăng ký kết hôn theo số 17 ngày 04/3/2008 tại tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, bà X xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên toà, quá trình giải quyết vụ án trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng 05 năm trở lại đây, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cho nhau, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Ông T có mặt tại phiên toà thừa nhận vợ chồng không có khả

năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn với bà X. Qua đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Nguyễn Duy T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà X và ông T có một con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 05/11/2008. Bà X và ông T thống nhất giao cháu T1 cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy ông T trình bày hiện nay cháu T1 đang sống cùng ông T, ông T có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà X không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T yêu cầu bà X cấp dưỡng mỗi tháng 3.500.000 đồng, bà X cũng đồng ý mức cấp dưỡng trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X và ông T không tranh chấp về tài sản chung, xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà X phải nộp án phí ly hôn, án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng X với ông Nguyễn Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Duy T1, sinh ngày 05/11/2008, giới tính nam cho ông Nguyễn Duy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền

chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Bà Nguyễn Thị Hồng X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Ông T cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà X trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà X, ông T hoặc cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng X có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng và phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Hồng X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003122 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Hồng X còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Hồng X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Đương sự;
- UBND Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Thị Tuyết Nhung